

UBND QUẬN TÂN BÌNH
PHÒNG NỘI VỤ

Số: 409/NV
V/v tuyển sinh trình độ tiến sĩ
khóa 19.2 năm 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tân Bình, ngày 01 tháng 7 năm 2019

ĐẾN Số: 621
Ngày: 01/7
Chuyển: ~~Phòng Giáo dục và Đào tạo Q. Tân Bình~~

Kính gửi:

- Lãnh đạo Văn phòng Quận ủy, Ủy ban Kiểm tra Quận ủy và các ban Quận ủy;
- Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và các đoàn thể chính trị - xã hội quận.
- Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường.

Thực hiện Thông báo số 1008/TB-ĐHSG ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Trường Đại học Sài Gòn tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ khóa 19.2 năm 2019.

Phòng Nội vụ đề nghị Thủ trưởng các ban đảng Quận ủy, đoàn thể quận; Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường xem xét nội dung chương trình đào tạo và điều kiện tham gia khóa học; đồng thời thông báo đến cán bộ, công chức, viên chức có nhu cầu và khả năng phù hợp đăng ký tham gia (đính kèm Thông báo số 1008/TB-ĐHSG).

Các cơ quan, đơn vị cử người đi học, liên hệ trực tiếp với cơ sở đào tạo để tham gia lớp học. Kinh phí do cá nhân và đơn vị tự chi trả. Đồng thời, gửi bổ sung 01 bản danh sách về phòng Nội vụ để lưu trữ, tổng hợp, báo cáo với Ủy ban nhân dân quận và Sở Nội vụ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTUB/Q (CT);
- Lưu: VT, ĐT.



Nguyễn Tùng Khương

Số: 1002 /TB-ĐHSG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 6 năm 2019

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ khóa 19.2 năm

UBND QUẬN TÂN B	
VĂN PHÒNG HĐND VÀ	
2019	Số: 2641
ĐẾN	Ngày: 26-06-2019
Chuyên:	
Bộ Giáo dục và	

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 4798/QĐ-BDGDĐT ngày 07/11/2018, Quyết định số 4911/QĐ-BDGDĐT ngày 13/11/2018 và Quyết định số 339/QĐ-BDGDĐT ngày 13/02/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Sài Gòn đào tạo trình độ tiến sĩ các ngành: Toán giải tích, Quản lý giáo dục, Hóa hữu cơ và Lịch sử Việt Nam;

Căn cứ Đề án tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2019, ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Trường Đại học Sài Gòn,

Trường Đại học Sài Gòn thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ khóa 19.2 năm 2019 như sau:

1. Các chuyên ngành và chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu
01	Toán giải tích	9460102	07
02	Quản lý giáo dục	9140114	04
03	Hóa hữu cơ	9440114	06
04	Lịch sử Việt Nam	9229013	06

2. Phương thức tuyển sinh và thời gian đào tạo

2.1. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển.

Việc xét tuyển nghiên cứu sinh được thực hiện bằng cách đánh giá hồ sơ và năng lực chuyên môn của ứng viên bằng các hoạt động:

- Thành viên Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá hồ sơ dự tuyển của ứng viên theo thang điểm do Trường Đại học Sài Gòn quy định.

- Ứng viên trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước Tiểu ban xét tuyển nghiên cứu sinh.

- Hội đồng tuyển sinh Nhà trường sẽ căn cứ vào hồ sơ đánh giá của các Tiểu ban chuyên môn và Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

2.2. Thời gian đào tạo: đào tạo theo hình thức chính quy tập trung 3 năm đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ; 4 năm đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học.

3. Điều kiện và hồ sơ đăng ký dự tuyển

3.1. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc có bằng thạc sĩ (thuộc danh mục ngành phù hợp được quy định tại Phụ lục 1 đính kèm Thông báo này). Nếu thí sinh đăng ký dự tuyển thuộc trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần (loại giỏi trở lên) thì phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp đại học ngành gần dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ tương ứng trong Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Sài Gòn trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

2. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phân biên trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển (*Các tạp chí khoa học và kỷ yếu hội nghị khoa học phải thuộc danh mục được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước quy định cho ngành liên quan đến ngành đào tạo*).

3. Có đề cương nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng về hướng nghiên cứu, đề tài hoặc chủ đề nghiên cứu; tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan; mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả nghiên cứu dự kiến; kế hoạch học tập và nghiên cứu trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; đề xuất người hướng dẫn.

4. Được ít nhất một (01) nhà khoa học có tên trong danh sách do Trường Đại học Sài Gòn công bố (xem Phụ lục 2 đính kèm) đồng ý nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh (nếu thí sinh trúng tuyển). Trường hợp thí sinh đề nghị người hướng dẫn không có tên trong danh sách do Trường Đại học Sài Gòn công bố, thí sinh phải xin ý kiến của Trường và được Hiệu trưởng chấp thuận trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

5. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại mục a khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại mục b khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại mục c (quy định tại Phụ lục 3 đính kèm) do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt

những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh);

6. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

7. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

8. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn;

9. Nộp hồ sơ đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn.

Ghi chú:

- Hội đồng tuyển sinh chấp nhận việc sử dụng Giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ tạm thời khi chưa được cấp bằng tốt nghiệp chính thức. Nếu trúng tuyển, thí sinh phải nộp bản sao văn bằng có công chứng (có bản gốc để đối chiếu).

- Các văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ và bằng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được dịch công chứng sang tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo (xem thông tin về việc đăng ký công nhận văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp tại website: <https://narc.edu.vn>).

3.2. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

3.2.1. Thành phần hồ sơ dự tuyển

(1) Đơn xin dự tuyển (theo mẫu);

(2) Lý lịch khoa học có xác nhận của thủ trưởng cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi ứng viên cư trú (đối với người chưa có việc làm);

(3) Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, bằng điểm, chứng chỉ ngoại ngữ có chứng thực (mang theo bản chính để đối chiếu khi nộp hồ sơ);

(4) Phiếu điểm học bổ sung kiến thức do Trường Đại học Sài Gòn cấp (nếu thí sinh thuộc diện phải học bổ sung kiến thức);

(5) Minh chứng nghiên cứu khoa học theo quy định (07 bản phô tô các công trình khoa học, bao gồm: trang bìa, mục lục, các trang nội dung bài báo);

(6) Xác nhận hoặc minh chứng về thâm niên công tác (nếu có);

(7) Đề cương nghiên cứu (07 bản, theo mẫu);

(8) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (theo mẫu);

(9) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu có);

(10) Giấy đồng ý nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh;

(11) Li lịch khoa học của người đồng ý nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh;

(12) Giấy khám sức khỏe (do bệnh viện đa khoa cấp không quá 6 tháng tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ);

(13) 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh);

(14) 04 phong bì ghi rõ địa chỉ liên hệ của người dự tuyển nghiên cứu sinh.

3.2.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời gian phát hành và nhận hồ sơ

4.1. Phát hành và nhận hồ sơ đăng kí xét tuyển

- Thời gian: từ ngày 14/06/2019 đến hết ngày 03/10/2019.

- Địa điểm: Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Sài Gòn.

Ghi chú: Hội đồng tuyển sinh không nhận hồ sơ qua đường bưu điện.

4.2. Lệ phí xử lí hồ sơ và xét tuyển

- Lệ phí hồ sơ: 200.000đ/1 hồ sơ.

- Lệ phí xét tuyển: 1.500.000đ/1 thí sinh.

5. Thời gian xét tuyển, công bố kết quả và nhập học

- Thời gian xét tuyển: dự kiến từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 10 năm 2019 (thời gian xét tuyển cụ thể của từng chuyên ngành sẽ thông báo sau).

- Thời gian công bố kết quả: dự kiến trước ngày 15 tháng 11 năm 2019.

- Thời gian nhập học: dự kiến tháng 12 năm 2019.

Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:

Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Sài Gòn;

Số 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;

Điện thoại: (028) 38.303.108; Website: <http://dtsdh.sgu.edu.vn>.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Trung tâm CNTT (để đăng tải trên website);
- Lưu: VP, P. ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Phạm Hoàng Quân.

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CÁC NGÀNH PHÙ HỢP VỚI NGÀNH
XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
(Đính kèm thông báo 1008/TB-ĐHSG ngày 03 tháng 6 năm 2019
của Trường Đại học Sài Gòn)

S T T	Ngành tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ	Các ngành phù hợp với ngành được xét tuyển			
		Ngành đúng		Ngành gần	
		Trình độ đại học	Trình độ thạc sĩ	Trình độ đại học	Trình độ thạc sĩ
1	Quản lý giáo dục	Quản lý giáo dục	Quản lý giáo dục	Giáo dục học; Các ngành đào tạo giáo viên.	Giáo dục học; Đo lường và đánh giá trong giáo dục; Giáo dục quốc tế và so sánh; Giáo dục đặc biệt.
2	Toán giải tích	Toán học; Sư phạm Toán học.	Toán giải tích	Khoa học tính toán; Toán ứng dụng; Toán cơ; Toán tin; Thống kê.	Toán học; Phương trình vi phân và tích phân; Đại số và lý thuyết số; Hình học và Tôpô; Lý thuyết xác suất và thống kê toán học; Khoa học tính toán; Cơ sở toán học cho tin học; Toán ứng dụng; Phương pháp toán sơ cấp; Toán tin.
3	Hóa hữu cơ	Hóa học; Sư phạm hóa học	Hóa hữu cơ	Vật lý nguyên tử và hạt nhân, Khoa học vật liệu, Khoa học môi trường, Kỹ thuật hóa học, Công nghệ kỹ thuật hóa học	Hóa học, Hóa vô cơ, Hóa phân tích, Hóa lý thuyết và hóa lý, Hóa môi trường, Khoa học vật liệu, Khoa học môi trường.

S T T	Ngành tuyển sinh đào tạo trình độ tiên sĩ	Các ngành phù hợp với ngành được xét tuyển			
		Ngành đúng		Ngành gần	
		Trình độ đại học	Trình độ thạc sĩ	Trình độ đại học	Trình độ thạc sĩ
4	Lịch sử Việt Nam	Lịch sử; Sư phạm Lịch sử	Lịch sử Việt Nam	Lịch sử thế giới, Quốc tế học, Việt Nam học, Văn hoá học, Khảo cổ học, Nhân học, Đông phương học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Chính trị học, Quản lí văn hoá, Xã hội học, Triết học.	Lịch sử thế giới, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Khảo cổ học, Việt Nam học, Đông phương học.

PHỤ LỤC 2
HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

(Đính kèm Thông báo số 1208/TB-ĐHSG ngày 03 tháng 6 năm 2019
 của Trường Đại học Sài Gòn)

1. Ngành Toán giải tích

STT	Họ và tên, chức danh, học vị	Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
1	PGS.TS. Phạm Hoàng Quân	Toán giải tích	Bài toán ngược, Phương trình đạo hàm riêng, Giải tích phi tuyến, Giải tích bậc không nguyên.	0
2	PGS.TS. Kiều Phương Chi	Toán giải tích	Giải tích phức, Lý thuyết điểm bất động.	02
3	TS. Lê Minh Triết	Toán giải tích	Bài toán ngược, Phương trình đạo hàm riêng, Giải tích phi tuyến, Giải tích bậc không nguyên, Bài toán sinh học.	02
4	TS. Thái Doãn Chương	Toán giải tích	Giải tích biến phân, Giải tích đa trị, Giải tích lồi, Giải tích không trơn, Lý thuyết tối ưu.	02
5	TS. Tạ Quang Sơn	Toán giải tích	Giải tích lồi, Giải tích không trơn, Lý thuyết tối ưu.	03
6	TS. Võ Hoàng Hưng	Toán giải tích	Bài toán ngược, Phương trình đạo hàm riêng, Giải tích phi tuyến, Giải tích bậc không nguyên, Bài toán sinh học.	01

2. Ngành Quản lý giáo dục

STT	Họ và tên, chức danh, học vị	Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
1	PGS.TS. My Giang Sơn	Quản lý giáo dục	- Quản lý các hoạt động giáo dục, dạy học trong cơ sở giáo dục; - Quản lý, phát triển các nguồn lực trong giáo dục và quản lý giáo dục; - Quản lý sự thay đổi trong giáo dục, trong nhà trường.	02

STT	Họ và tên, chức danh, học vị	Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
2	PGS.TS. Nguyễn Thị Thúy Dung	Tâm lý học	- Quản lý sự thay đổi trong giáo dục, đào tạo; - Quản lý các hoạt động giáo dục, dạy học trong cơ sở giáo dục; - Quản lý hoạt động xây dựng văn hóa nhà trường; - Tạo động lực làm việc trong cơ sở giáo dục; - Phát triển đội ngũ.	02
3	PGS.TS. Lê Khánh Tuấn	Giáo dục học	- Dự báo về quy mô giáo dục, đội ngũ nhà giáo và CBQLGD; - Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo cấp tỉnh, cấp huyện; - Phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục và đào tạo; - Quản lý tài chính giáo dục; - Quản lý cơ sở vật chất – kỹ thuật trong giáo dục và đào tạo.	02
4	TS. Bùi Đức Tú	Quản lý giáo dục	- Quản lý trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; - Quản lý nhà nước về giáo dục; - Phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục và đào tạo.	02
5	TS. Cao Thị Thanh Xuân	Quản lý giáo dục	- Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý nhà trường; - Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong nhà trường;	02
			- Quản lý hoạt động dạy học trong nhà trường.	
6	PGS.TS. Võ Văn Lộc	Giáo dục học	- Quản lý các hoạt động giáo dục; - Quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục; - Tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục và quản lý giáo dục.	02

STT	Họ và tên, chức danh, học vị	Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
7	TS. Lê Chi Lan	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	- Văn hóa chất lượng; - Đo lường, kiểm tra, đánh giá; - Quản trị nhà trường; - Quản lý, lãnh đạo nhà trường; - Đánh giá năng lực; - Nghiên cứu về tác động của môi trường xã hội đến giáo dục; - Phân tích và đánh giá các vấn đề liên quan đến giáo dục.	02
8	TS. Đỗ Đình Thái	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	- Đảm bảo chất lượng giáo dục; - Văn hóa chất lượng trong cơ sở giáo dục; - Đo lường, kiểm tra và đánh giá trong giáo dục; - Đánh giá năng lực người học; - Dạy học tích cực; - Giáo dục tích hợp.	02

3. Ngành Hóa hữu cơ

STT	Họ và tên, chức danh, học vị	Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
1	PGS.TS. Phạm Nguyễn Kim Tuyến	Hóa hữu cơ	- Khảo sát thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của dược liệu (thực vật, nấm, địa y...); - Tổng hợp các hợp chất hữu cơ có hoạt tính sinh học.	04
2	PGS.TS. Võ Quang Mai	Hóa học	- Tổng hợp vật liệu hữu cơ, chất xúc tác hữu cơ, vật liệu sinh học; - Chế tạo, biến tính vật liệu nano hữu cơ, vật liệu polymer, vật liệu composite hữu cơ, vật liệu MOFs và ứng dụng.	04

3	TS. Đỗ Thị Mỹ Liên	Hóa hữu cơ	- Khảo sát thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của dược liệu (thực vật, nấm, địa y...); - Tổng hợp các hợp chất hữu cơ có hoạt tính sinh học.	02
4	TS. Nguyễn Hữu Trí	Công nghệ Hóa học	- Hóa hữu cơ tính toán; - Tổng hợp vật liệu hữu cơ, chất xúc tác hữu cơ.	03
5	TS. Nguyễn Thị Lan Hương	Hóa hữu cơ	- Khảo sát thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của dược liệu (thực vật, nấm, địa y...); - Tổng hợp các hợp chất hữu cơ có hoạt tính sinh học.	03
6	TS. Bùi Xuân Vương	Hóa học chất rắn vô cơ & vật liệu	Chế tạo, biến tính vật liệu vật liệu composite hữu cơ/vô cơ ứng dụng trong y sinh.	02
7	TS. Lê Công Nhân	Hóa học	Hóa hữu cơ tính toán.	02
8	TS. Đặng Xuân Dự	Hóa lý thuyết và Hóa lý	- Tổng hợp vật liệu hữu cơ, chất xúc tác hữu cơ, vật liệu sinh học; - Chế tạo, biến tính vật liệu nano hữu cơ, vật liệu polymer, vật liệu composite hữu cơ, vật liệu MOFs và ứng dụng.	02

4. Ngành Lịch sử Việt Nam

STT	Họ và tên, chức danh, học vị	Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
1	PGS.TS. Nguyễn Đức Hòa	Lịch sử Việt Nam	- Các vấn đề liên quan tới kinh tế, văn hóa, đời mới; - Cảng, thương mại, đô thị hóa Nam Bộ trong lịch sử; - Các vấn đề liên quan tới Lịch sử quân sự, chiến tranh cách mạng, thực thể Quốc gia Việt Nam, Việt Nam Cộng hòa từ 1945 đến nay.	02

STT	Họ và tên, chức danh, học vị	Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
2	PGS.TS. Trần Thị Thái Hà	Lịch sử Việt Nam	- Chế độ sở hữu ruộng đất và làng xã Việt Nam cổ trung đại; - Kinh tế hàng hoá và đô thị; quan hệ bang giao trong lịch sử Việt Nam thời trung đại; - Các vấn đề lịch sử - văn hoá, lịch sử địa phương.	04
3	PGS.TS. Trần Thị Thanh Vân	Lịch sử thế giới	- Quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với các nước trên thế giới; - Chính sách đối ngoại của Việt Nam thời cận - hiện đại.	04
4	TS. Phạm Phúc Vĩnh	Lịch sử Việt Nam	- Các vấn đề về Lịch sử Nam Bộ thời cận - hiện đại; - Lịch sử chiến tranh ở Việt Nam từ 1930 đến 1975; - Vấn đề đổi mới ở Việt Nam.	01
5	TS. Bùi Gia Khánh	Lịch sử Việt Nam	- Các vấn đề lịch sử vương triều Nguyễn; - Chủ quyền biên biển đảo của Việt Nam trong lịch sử; - Một số vấn đề về tôn giáo, lịch sử và văn hóa tộc người ở Việt Nam; - Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam.	03
6	TS. Lê Tùng Lâm	Lịch sử thế giới	- Quan hệ ngoại giao Việt Nam với các nước và khu vực từ 1945 - nay; - Các vấn đề liên quan đến chiến tranh Việt Nam (1945-1975).	03

BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

(Đính kèm Thông báo số 1008/TB-ĐHSG ngày 03 tháng 6 năm 2019
của Trường Đại học Sài Gòn)

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe-Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuipíng Kaoshi (HSK)	HSK level 4
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tân Bình, ngày 01 tháng 1 năm 2019. TÂN BÌNH

ĐẾN Số: 022
Ngày: 01/7
Chuyển:

- Lãnh đạo Văn phòng Quận ủy, Ủy ban kiểm tra Quận ủy và các ban Quận ủy;
- Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và các đoàn thể chính trị - xã hội quận.
- Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường.

Phòng Nội vụ đề nghị Thủ trưởng các ban đảng Quận ủy, đoàn thể quận; Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường xem xét nội dung chương trình đào tạo và điều kiện tham gia khóa học; đồng thời thông báo đến cán bộ, công chức, viên chức có nhu cầu và khả năng phù hợp đăng ký tham gia (đính kèm Thông báo số 1007/TB-ĐHSG).

- Như trên;
- TTUB/Q (CT);
- Lưu: VT, ĐT.



Nguyễn Tùng Khương

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Số: 1007/TB-ĐHSG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 6 năm 2019

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 19.2 năm 2019

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, Trường Đại học Sài Gòn thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 19.2 năm 2019 như sau:

1. Các chuyên ngành tuyển sinh

TT	Chuyên ngành	Mã số	TT	Chuyên ngành	Mã số
1	Quản lý giáo dục	8140114	6	Hóa lý thuyết và hóa lí	8440119
2	Tài chính – Ngân hàng	8340201	7	Lịch sử Việt Nam	8229013
3	Quản trị kinh doanh	8340101	8	Ngôn ngữ học	8229020
4	Toán giải tích	8460102	9	Văn học Việt Nam	8220121
5	LL&PPDH bộ môn Toán	8140111	10	Khoa học máy tính	8480101

Ghi chú: Chuyên ngành Hóa hữu cơ dự kiến tuyển sinh vào khóa 20.1 năm 2020.

2. Thời gian và hình thức đào tạo

2.1. Thời gian đào tạo: 02 năm.

2.2. Hình thức đào tạo: Chính quy.

3. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

3.1. Về văn bằng

Người dự thi cần thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a. Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi;

b. Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi và hoàn thành các học phần bổ sung kiến thức theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn;

c. Đã tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi (chỉ áp dụng cho chuyên ngành Quản lý giáo dục và chuyên ngành Quản trị kinh doanh) và hoàn thành các học phần bổ sung kiến thức theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn.

Ghi chú:

- Danh sách ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và các học phần bổ sung kiến thức đối với thí sinh tốt nghiệp ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 đính kèm Thông báo này.

- Hội đồng tuyển sinh chấp nhận việc sử dụng Giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học tạm thời khi chưa được cấp bằng tốt nghiệp đại học. Nếu trúng tuyển, thí sinh phải nộp bản sao văn bằng có công chứng (có bản gốc để đối chiếu).

- Các văn bằng tốt nghiệp đại học và bằng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được dịch công chứng sang tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo (xem thông tin về việc đăng ký công nhận văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp tại website: <https://naric.edu.vn>).

3.2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

Người dự thi có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp hoặc ngành gần (với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi) được đăng ký dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác dự thi vào chuyên ngành Quản lý giáo dục, chuyên ngành Quản trị kinh doanh phải có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

3.3. Điều kiện bổ sung đối với thí sinh tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác dự thi vào chuyên ngành Quản lý giáo dục

Thí sinh dự thi vào chuyên ngành Quản lý giáo dục có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác phải thuộc một trong các đối tượng sau:

- Người dự thi đang làm việc hoặc được quy hoạch vào một trong các vị trí công tác: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn (có quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản quy hoạch) của các trường từ mầm non trở lên;

- Cán bộ quản lý công tác Đảng trong các cơ sở giáo dục đào tạo; cán bộ quản lý và chuyên viên (làm công tác quản lý giáo dục) của các tổ chức chính trị - xã hội, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, quận/huyện, sở/phòng giáo dục và đào tạo; cán bộ quản lý, chuyên viên các phòng/ban chức năng của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.

3.4. Các điều kiện khác

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian chấp hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

- Có đủ sức khỏe để học tập;

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn.

4. Các môn thi tuyển sinh

4.1. Môn cơ bản và môn cơ sở (thi theo hình thức tự luận, thời gian thi: 180 phút)

STT	Chuyên ngành	Môn thi tuyển sinh	
		Môn cơ bản	Môn cơ sở
1	Quản lý giáo dục	Lôgic học	Giáo dục học đại cương
2	Tài chính – Ngân hàng	Toán kinh tế	Kinh tế học
3	Quản trị kinh doanh		

4	Toán giải tích	Đại số	Giải tích
5	LL&PPDH bộ môn Toán		
6	Hóa lí thuyết và hóa lí	Cấu tạo chất và cơ sở lý thuyết hóa học	Hóa vô cơ – hữu cơ – phân tích
7	Lịch sử Việt Nam	Triết học	Lịch sử Việt Nam
8	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ học đại cương
9	Văn học Việt Nam	Lý luận văn học	Lịch sử văn học Việt Nam
10	Khoa học máy tính	Toán rời rạc	Tin học cơ sở

4.2. Môn ngoại ngữ

4.2.1. Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh (nội dung thi theo quy định hiện hành, thí sinh làm bài thi trên giấy, thời gian thi: 120 phút).

4.2.2. Miễn thi đầu vào môn ngoại ngữ:

a. Thí sinh có năng lực ngoại ngữ thuộc một trong các trường hợp sau đây sẽ được xem xét để miễn thi môn ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ (theo Bảng tham chiếu khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam dưới đây) trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận. Các chứng chỉ trình độ ngoại ngữ (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) được cấp kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2019 trở đi phải do các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức đánh giá và cấp chứng chỉ theo quy định tại Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2017, gồm có: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế, Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Hà Nội, Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40	B1

2. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú;
3. Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học và bằng điểm đại học;
4. Phiếu điểm học bổ sung kiến thức do Trường Đại học Sài Gòn cấp (nếu thí sinh thuộc diện phải học bổ sung kiến thức);
5. Giấy chứng nhận sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp không quá 06 tháng tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi;
6. Bản sao có công chứng các minh chứng liên quan đến thời gian làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác dự thi vào chuyên ngành Quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành Quản lý giáo dục (quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động hoặc các văn bản khác để chứng minh thời gian công tác trong lĩnh vực đăng ký dự thi);
7. Bản sao có công chứng các minh chứng về vị trí công tác hoặc vị trí quy hoạch đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác dự thi vào chuyên ngành Quản lý giáo dục (quyết định bổ nhiệm, văn bản quy hoạch hoặc các văn bản khác có liên quan);
8. Hồ sơ miễn thi môn ngoại ngữ và xét đối tượng ưu tiên (nếu có nguyện vọng);
9. Hai phong bì có dán tem ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại của thí sinh;
10. Bốn ảnh màu cỡ 3x4 cm chụp không quá 03 tháng, có ghi rõ họ tên, ngày sinh, chuyên ngành dự thi ở phía sau ảnh.

Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:

Phòng Đào tạo Sau đại học (Phòng D003), Trường Đại học Sài Gòn;

Số 273 An Dương Vương, P.3, Q.5, TP. Hồ Chí Minh;

Điện thoại: (028) 38.303.108; Website: <http://dtsdh.sgu.edu.vn> 

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VP, P. ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP VÀ NGÀNH GẦN VỚI CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Đính kèm Thông báo số 1007/TB-ĐHSG ngày 03 tháng 6 năm 2019
của Trường Đại học Sài Gòn)

Số TT	Chuyên ngành dự thi	Ngành đúng, ngành phù hợp	Các ngành tốt nghiệp đại học gần với chuyên ngành dự thi
1	Quản lý giáo dục	Quản lý giáo dục	- Giáo dục học; - Các ngành đào tạo giáo viên.
2	Tài chính – Ngân hàng	Các ngành Tài chính, Ngân hàng	- Nhóm 1: Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may; Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán; Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý dự án. - Nhóm 2: Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế.
3	Quản trị kinh doanh	Các ngành về Quản trị kinh doanh	- Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may; - Tài chính-Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán; - Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án.
4	Toán giải tích	- Toán học; - Sư phạm Toán học.	- Toán học, Khoa học tính toán, Toán ứng dụng, Toán cơ, Toán tin, Thống kê; - Sư phạm Toán tin.
5	LL&PPDH bộ môn Toán	- Sư phạm Toán học; - Toán học (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm).	Toán học, Toán ứng dụng, Toán cơ, Toán tin, Toán kinh tế, Thống kê.
6	Hóa lý thuyết và hóa lí	- Hóa học; - Sư phạm Hóa học.	Khoa học môi trường, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Hóa dược, Hóa sinh
7	Lịch sử Việt Nam	- Lịch sử; - Sư phạm Lịch sử.	- Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Văn hóa học, Quản lý văn hoá, Kinh tế chính trị; - Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Nhân học; - Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung

Số TT	Chuyên ngành dự thi	Ngành đúng, ngành phù hợp	Các ngành tốt nghiệp đại học gần với chuyên ngành dự thi
			Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.
8	Ngôn ngữ học	- Ngôn ngữ học; - Ngữ văn; - Su phạm Ngữ văn; - Hán – Nôm.	- Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Văn học, Sáng tác văn học; - Văn hóa học, Quản lý văn hoá, Báo chí, Quản lý nhà nước, Tâm lý học, Quốc tế học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học; - Các ngành Ngôn ngữ: Anh/Nga/Pháp/Trung Quốc/Đức/Tây Ban Nha/Bồ Đào Nha/Italia/Nhật/Hàn Quốc/Jrai/Khmer/H'mong/Chăm; - Các ngành Su phạm tiếng Anh/Nga/Pháp/Trung Quốc/Đức/Nhật/Hàn.
9	Văn học Việt Nam	- Ngữ văn, Su phạm Ngữ văn; - Văn học, Sáng tác Văn học; - Việt Nam học.	- Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ học; - Văn hóa học, Quản lý văn hoá, Xã hội học và Nhân học, Tâm lý học; - Đông phương học, Đông Nam Á học.
10	Khoa học máy tính	Khoa học máy tính	- Nhóm 1: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin; - Nhóm 2: Su phạm Tin học, Toán tin, Toán ứng dụng, Hệ thống thông tin quản lý, Kỹ thuật điện tử-viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điện tử-viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa.

Ghi chú:

- Các ngành gần Nhóm 1 là các ngành cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III; Các ngành gần Nhóm 2 là các ngành có chương trình đào tạo khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học của khối kiến thức ngành.

- Đối với các ngành gần không phân nhóm: ngành gần với ngành LL&PPDH bộ môn Toán thuộc nhóm 2, ngành gần của các ngành còn lại thuộc nhóm 1.

PHỤ LỤC 2

CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC ĐỐI VỚI THÍ SINH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC NGÀNH GẦN VÀ NGÀNH KHÁC DỰ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Đính kèm Thông báo số 1007/TB-ĐHSG ngày 03 tháng 6 năm 2019
của Trường Đại học Sài Gòn)

1. Các học phần bổ sung kiến thức dành cho thí sinh ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi

STT	Chuyên ngành	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1	Quản lý giáo dục	Quản lý hoạt động dạy học và giáo dục trong cơ sở giáo dục	03
		Đại cương về quản lý và quản lý giáo dục	03
2	Tài chính – Ngân hàng (Các ngành gần Nhóm 1)	Tài chính tiền tệ	02
		Tài chính doanh nghiệp	03
		Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	03
	Tài chính – Ngân hàng (Các ngành gần Nhóm 2)	Tài chính tiền tệ	02
		Tài chính doanh nghiệp	03
		Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	03
		Kinh tế học	03
3	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp	03
		Quản trị chiến lược	02
4	Toán giải tích	Lý thuyết độ đo	02
		Giải tích hàm	03
5	LL&PPDH bộ môn Toán	Lý luận dạy học	03
		Phương pháp dạy học Toán	03
6	Hóa lí thuyết và hóa lí	Cơ sở hóa lượng tử	02
		Xúc tác và ứng dụng	02
		Nhiệt động và động hóa học	02
		Điện hóa học	02
7	Lịch sử Việt Nam	Những vấn đề lịch sử Việt Nam cổ trung đại	03
		Việt Nam trong tiến trình lịch sử cận hiện đại, hội nhập và phát triển	03
		Chế độ ruộng đất Việt Nam trong lịch sử	03
8	Ngôn ngữ học	Ngữ âm – âm vị học	02
		Ngữ pháp	03
		Ngữ nghĩa học	02
		Tiếng Việt thực hành	02

STT	Chuyên ngành	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
9	Văn học Việt Nam	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XVIII	02
		Văn học Việt Nam từ thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX	02
		Văn học Việt Nam giai đoạn 1900-1945	02
		Văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975	02
		Lý luận văn học (Nguyên lý lý luận văn học, Tác phẩm văn học)	02
		Chủ nghĩa nhân văn trong văn học	02
10	Khoa học máy tính	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	02
		Cơ sở dữ liệu	02
		Cơ sở trí tuệ nhân tạo	02

2. Các học phần bổ sung kiến thức dành cho thí sinh ngành khác với chuyên ngành đăng ký dự thi

STT	Chuyên ngành	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1	Quản lý giáo dục	Tâm lý học đại cương	02
		Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	03
		Giáo dục học đại cương	02
		Quản lý hoạt động dạy học và giáo dục trong cơ sở giáo dục	03
		Đại cương về quản lý và quản lý giáo dục	03
2	Quản trị kinh doanh	Quản trị học căn bản	02
		Marketing căn bản	02
		Kinh tế học	03
		Quản trị doanh nghiệp	03
		Quản trị chiến lược	02

Ghi chú: Trường hợp người dự thi đã học các học phần có nội dung trùng với những học phần thuộc danh sách các học phần bổ sung kiến thức, có số tín chỉ phù hợp và có nhu cầu, Nhà trường sẽ căn cứ vào bằng điểm (nộp bản sao có công chứng, kèm bản gốc để đối chiếu) để xem xét miễn học khi đăng ký học bổ sung kiến thức.